

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **300/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày: 02/7/2021.  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Dương Thùy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Văn Hiến.

2. Ông Lý Khắc Chung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 191/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về “*tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: Tổ 14, ấp Vĩnh Thới, xã VH, huyện CT, tỉnh An Giang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị **Lê Thị Q**, sinh năm 1995. Địa chỉ cư trú: Số 163/7, tổ 7, ấp L, xã BC, huyện P, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Văn H trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Q tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2015, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC theo giấy chứng nhận kết hôn số 31, cấp ngày 28/4/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau, anh chị đã quyết định sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Huỳnh N1, sinh ngày 29/11/2016, hiện con đang sống cùng chị Q. Khi ly hôn, anh H đồng ý để chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử, chị Lê Thị Q vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án đã tiến hành xác minh thì được biết chị Lê Thị Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ấp L, xã BC, huyện P, tỉnh An Giang, còn đang sinh sống tại địa phương, đi làm ăn xa, có đi về địa phương. Về tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh H thì Ban ấp không nắm rõ.

Theo bà Lê Thị Mới là cô ruột, sống cùng địa chỉ với chị Q cho biết: Chị Q và anh H là vợ chồng, chung sống với nhau có 01 đứa con là Lê Thị Huỳnh N1, tuy nhiên hiện nay anh H và chị Q không còn chung sống với nhau nữa do anh H có quan hệ với người phụ nữ khác. Hiện chị Q đi làm thuê ở Bình Dương, bà Mới có nhận được Thông báo của Tòa án và có điện thoại cho chị Q biết về việc anh H xin ly hôn, chị Q nói đồng ý ly hôn với anh H nhưng không về theo lịch mời làm việc của Tòa án được do bận đi làm.

\* Tại phiên tòa:

- Anh H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Q vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H, cho anh H được ly hôn với chị Q. Về con chung: đề nghị giao cháu Lê Thị Huỳnh N1, sinh ngày 29/11/2016 cho chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị Q không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung, anh H cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: anh H khai không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

##### *[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:*

Anh Lê Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn chị Lê Thị Q nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"tranh chấp ly hôn"*. Chị Q có địa chỉ cư trú tại xã BC, huyện P, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

##### *[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh H vắng

mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Q đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

## **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] *Về hôn nhân*: Anh Lê Văn H và chị Lê Thị Q tự nguyện kết hôn vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC nên xét hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau. Thế nhưng giữa anh H và chị Q đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không còn quan tâm, không chung sống với nhau một thời gian dài. Quá trình giải quyết vụ án, chị Q không đến tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa, xem như đã tự từ bỏ quyền lợi của mình, anh H cũng có đơn yêu cầu không tiếp tục hòa giải, không muốn hàn gắn tình cảm với chị Q. Cho thấy hôn nhân giữa anh chị đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, cho anh H được ly hôn với chị Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

### **[2.2] Về con chung:**

Anh H và chị Q có một con chung tên Lê Thị Huỳnh N1, sinh ngày 29/11/2016. Xét thấy, hiện cháu N1 đang sống ổn định với mẹ, anh H đồng ý để chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị Q không có ý kiến về con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận để chị Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81 của Luật hôn nhân và gia đình và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không cấp dưỡng nuôi con chung, chị Q cũng không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Trường hợp sau này, anh H và chị Q có tranh chấp về việc nuôi con chung hoặc tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Căn cứ vào Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh H là người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng có quyền đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Chị Q và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh H khai không có, không yêu cầu giải quyết, chị Q không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Trường hợp sau này có tranh chấp về tài sản chung hay nợ chung, anh H và chị Q có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

**[3] Về án phí sơ thẩm**: Do anh H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn H.

- Về hôn nhân: Cho anh Lê Văn H được ly hôn với chị Lê Thị Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31 do Ủy ban nhân dân xã BC, huyện P, tỉnh An Giang cấp ngày 28/4/2016 cho anh Lê Văn H và chị Lê Thị Q không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Chị Lê Thị Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Thị Huỳnh N1, sinh ngày 29/11/2016. Hiện cháu N1 đang sống với chị Q.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

Chị Q và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0008879 ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P nên anh H không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Anh H, chị Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
- Viện kiểm sát ND H. P;
- Chi cục THA DS H. P;
- UBND xã BC;
- Dương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Dương Thùy Dung**